

ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG Ở VIỆT NAM: CÁCH TIẾP CẬN CHỦ QUAN HAY KHÁCH QUAN?

Nguyễn Thị Xuân Mai

Khoa Thống kê, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Email: mainx@neu.edu.vn

Ngày nhận: 15/9/2016

Ngày nhận bản sửa: 8/10/2016

Ngày duyệt đăng: 18/10/2016

Tóm tắt:

Chất lượng cuộc sống (CLCS) là vấn đề đã được nghiên cứu từ lâu trên thế giới nhưng chưa được nghiên cứu nhiều ở Việt Nam. Mặc dù có nhiều quan điểm khác nhau về chất lượng cuộc sống nhưng không có khái niệm nào được chấp nhận rộng rãi. Điều này dẫn đến việc tranh luận không ngừng giữa các nhà nghiên cứu trên thế giới. Bài viết tập trung bàn luận về vấn đề gây tranh cãi nhiều nhất, đó là chất lượng cuộc sống được đo lường theo cách tiếp cận chủ quan hay khách quan? Trên cơ sở tổng quan tài liệu, xem xét ưu nhược điểm của từng cách tiếp cận và phân tích bối cảnh kinh tế xã hội của Việt Nam, bài viết đi đến kết luận, việc đo lường chất lượng cuộc sống ở Việt Nam cần phải kết hợp cả hai cách tiếp cận chủ quan và khách quan. Ngoài ra, bài viết đã gợi ý một số hướng nghiên cứu tiếp theo trong đo lường chất lượng cuộc sống ở Việt Nam.

Từ khóa: Chất lượng cuộc sống, cách tiếp cận chủ quan, cách tiếp cận khách quan, hạnh phúc, sự hài lòng với cuộc sống.

Measuring quality of life in Vietnam: Objective or subjective approach?

Abstract:

Quality of life (QOL) has been studied for a long time all over the world but has not been widely researched in Vietnam. Despite a great number of concepts of QOL, none has been universally accepted. This fact led to non-stop debates among researchers worldwide. The paper focuses on clarifying the most argued issue: whether QOL should be measured by subjective approach or objective approach. Based on the literature review, consideration of the advantages and disadvantages of each approach and analysis of the socio-economic context of Vietnam, the paper concludes that measurement of QOL in Vietnam should combine both of them. In addition, the paper suggests some further studies on QOL measurement in Vietnam.

Keywords: *Quality of life, objective indicators, subjective indicators, well-being, satisfaction with life.*

1. Đặt vấn đề

Chất lượng cuộc sống là vấn đề đã được thảo luận từ rất lâu. Theo Hagerty và cộng sự (2001), Plato & Aristotle (384-322 trước Công nguyên) đã từng đề cập tới “good life - cuộc sống tốt” và các chính sách công nhằm nuôi dưỡng nó. Theo Massam (2002),

các nhà nghiên cứu bắt đầu có mối quan tâm thực sự đến chủ đề này từ những năm 1930. Năm 1933, nhà xã hội học William Ogburns đã đưa ra một báo cáo hai tập “Recent Social Trends” trình bày về các xu hướng xã hội thời bấy giờ - trong đó có vấn đề về CLCS. Đây là một sự kiện đóng vai trò quan trọng

trong việc thúc đẩy phong trào các chỉ tiêu xã hội (The Social Indicators Movement) mà CLCS là một mối quan tâm lớn. Phong trào này đã phát triển ở Mỹ và các quốc gia Scandinavia trong những năm 1960-1970 khi họ nhận thấy chỉ riêng các chỉ tiêu kinh tế là không đủ để phản ánh CLCS của người dân. Cho đến những năm 1970, phong trào trở nên bùng nổ cùng với sự phát triển của khoa học máy tính và sự hình thành các tạp chí chuyên ngành như *Social Indicator Research* năm 1974. Nhiều năm sau, các nghiên cứu về CLCS đã phát triển nhanh chóng với sự ủng hộ và chấp nhận của các chính phủ và cơ quan thuộc khu vực công khắp thế giới nhằm xác định khái niệm, cách đo lường và so sánh sự thay đổi về CLCS giữa các cộng đồng, các thành phố, vùng và các quốc gia.

Cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, ở Việt Nam, sau nhiều năm đặt mục tiêu phát triển kinh tế, chúng ta ngày càng nhận thấy sự phát triển xã hội, phát triển con người phải được đặt lên hàng đầu. Vấn đề CLCS và nâng cao CLCS của người dân trở thành một nội dung chủ yếu của chiến lược phát triển con người. CLCS của người dân được cải thiện không ngừng cho thấy sự thành công của các chính sách quản lý kinh tế xã hội. Vì vậy, nâng cao CLCS là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu với các nhà quản lý ở cả tầm vĩ mô và vi mô. Tuy nhiên, làm thế nào để đánh giá một cách rõ ràng sự cải thiện của CLCS nếu không biết nó là gì và được đo lường như thế nào? Đây thực sự là một khoảng trống lớn trong số ít các nghiên cứu về CLCS ở Việt Nam những năm qua.

Trên thế giới, nhiều khái niệm khác nhau được đưa ra về CLCS nhưng dường như không có khái niệm nào được chấp nhận một cách rộng rãi. Cùng với sự khác biệt về khái niệm CLCS, các vấn đề xoay quanh đó cũng làm nảy sinh nhiều tranh cãi. Raphael (1996) đã đưa ra 11 vấn đề nổi cộm hình thành nên khái niệm và xác định cách thức đo lường CLCS, trong đó, những vấn đề chủ yếu nhất gồm: CLCS được đo lường chủ quan hay khách quan, khái niệm CLCS là đơn chiều hay đa chiều, vai trò của các giá trị, bối cảnh văn hóa và CLCS là khái niệm tuyệt đối hay tương đối.

Theo Felce (1997), có một sự đồng thuận lớn khi cho rằng CLCS là một khái niệm đa chiều. Do đó, bài viết này sẽ tập trung bàn luận về vấn đề gây tranh cãi nhiều nhất: CLCS được đo lường theo cách tiếp cận chủ quan hay khách quan. Cách tiếp cận khách

quan (objective approach) được thể hiện qua đánh giá điều kiện sống bên ngoài và các nhân tố kỹ thuật khác trong khi cách tiếp cận chủ quan (subjective approach) lại xem xét các đánh giá của mỗi cá nhân về những điều kiện đó. Trên cơ sở phân tích ưu nhược điểm của mỗi cách tiếp cận cũng như xem xét đặc điểm kinh tế xã hội của Việt Nam, bài viết sẽ gợi mở hướng tiếp cận trong nghiên cứu đo lường CLCS ở Việt Nam.

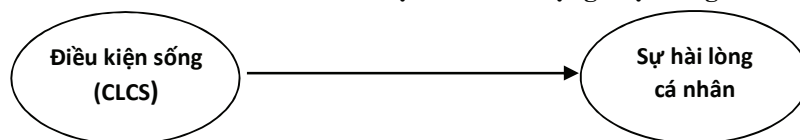
2. Tổng quan nghiên cứu

Theo Felce & Perry (1995) thì năm 1992, Borthwick-Duffy đã giới thiệu ba quan điểm về CLCS: (a) CLCS được định nghĩa là chất lượng của các điều kiện sống (life condition); (b) CLCS được định nghĩa là sự hài lòng với cuộc sống (satisfaction with life); (c) CLCS được định nghĩa là sự kết hợp giữa điều kiện sống và sự hài lòng với cuộc sống; (d) CLCS được định nghĩa là sự kết hợp giữa các điều kiện sống và sự hài lòng với cuộc sống nhưng nhấn mạnh sự cần thiết phải xem xét các giá trị cá nhân, các nguyện vọng và mong muốn cá nhân, đây là quan điểm của Cummins năm 1992 được Felce & Perry đánh giá là có nhiều ưu điểm hơn ba quan điểm trên.

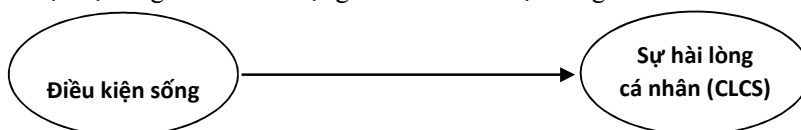
Quan điểm (a) ở trên đại diện cho cách tiếp cận khách quan. Theo Felce (1997), CLCS là tổng của các điều kiện sống có thể đo lường được một cách khách quan mà mỗi cá nhân đã trải nghiệm qua, bao gồm sức khỏe, hoàn cảnh cá nhân, các mối quan hệ xã hội, các hoạt động chức năng và các ảnh hưởng kinh tế xã hội rộng hơn. Để đưa ra lý do theo đuổi quan điểm này, Lloyd & Auld (2002) cho rằng, các yếu tố chủ quan khó có thể đánh giá và giải thích. Besleme và cộng sự (1999) nói rằng họ đã cố gắng để giới thiệu các yếu tố chủ quan nhưng cộng đồng doanh nghiệp đã phản đối việc này vì cho rằng nó quá nhạy cảm, “dễ đụng chạm” mà đây là điều không nên có trong quá trình phát triển. Theo Massam (2002) các yếu tố về điều kiện sống cũng được Clark (2000) nhấn mạnh khi cho rằng CLCS của mỗi cá nhân chịu ảnh hưởng quan trọng bởi môi trường xã hội xung quanh người đó.

Quan điểm (b) đại diện cho cách tiếp cận chủ quan khi cho rằng, sự hài lòng với cuộc sống là tiêu chuẩn chủ yếu của CLCS. Theo Kerce (1992), Dalkey và Rourke nói rằng CLCS là cảm giác của một người về sự hạnh phúc, sự thỏa mãn hay không thỏa mãn với cuộc sống. Andrews (1974) đã cho rằng, hạnh phúc được cảm nhận một cách rộng rãi để chỉ “cấp

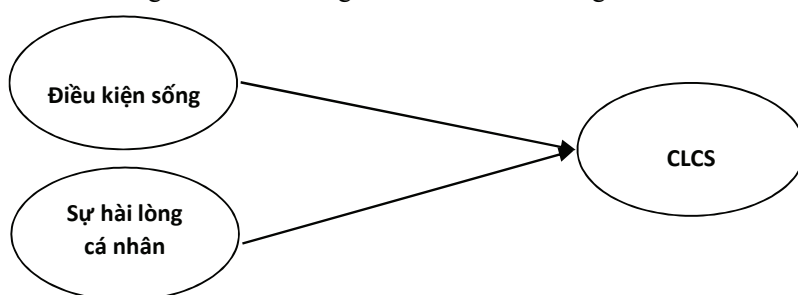
Hình 1: Mô hình khái niệm về chất lượng cuộc sống



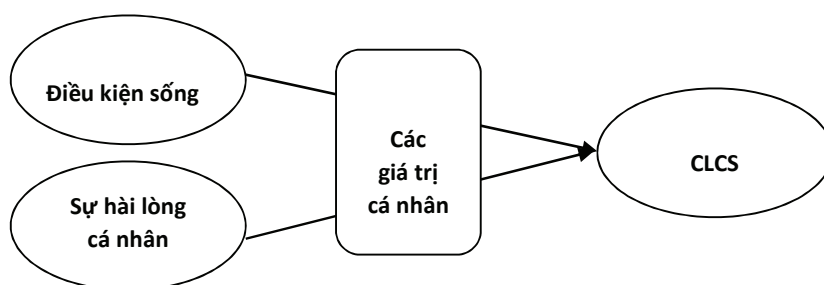
- a. CLCS được định nghĩa là chất lượng của các điều kiện sống.



- b. CLCS được định nghĩa là sự hài lòng với các điều kiện sống.



- c. CLCS được định nghĩa là sự kết hợp giữa các điều kiện sống và sự hài lòng với cuộc sống.



- d. CLCS được định nghĩa là sự kết hợp giữa các điều kiện sống và sự hài lòng với cuộc sống được gia quyền với mức độ quan trọng.

Nguồn: Felce & Perry (1995)

độ” của CLCS. Trong những định nghĩa này, “hạnh phúc” và “sự hài lòng” được sử dụng. Điều này không có gì là bất hợp lý vì trong nhiều trường hợp, CLCS, sự hạnh phúc và sự hài lòng có thể được sử dụng thay thế cho nhau. Tuy nhiên, theo Felce & Perry (1995), đây là một vấn đề phức tạp. Để sử dụng sự hài lòng cá nhân như một từ đồng nghĩa với CLCS sẽ không phù hợp, đặc biệt nếu không xem xét đến điều kiện sống của con người vì cách biểu hiện sự hài lòng đó còn tùy vào tính khí của từng cá nhân, hoàn cảnh và kinh nghiệm mà họ đã trải qua.

Andrews & Withey (1976) đã bác bỏ sự phân biệt giữa các chỉ tiêu khách quan và chủ quan vì cho rằng, nó không rõ ràng và không hữu ích. Họ cho rằng cách duy nhất để trải nghiệm thế giới là

thông qua các giác quan của mình và vì thế cái gọi là đo lường “khách quan” thực chất chỉ giống như chủ quan.

Phần lớn nhà nghiên cứu đều đồng ý rằng nên kết hợp cả hai yếu tố trên vì rõ ràng điều kiện sống bên ngoài như thu nhập, tình hình tội phạm... sẽ ảnh hưởng đến thái độ của mỗi người với CLCS. Đó chính là quan điểm (c) ở trên, kết hợp các yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan trong đánh giá CLCS dựa trên sự thừa nhận về điểm mạnh và điểm yếu của chúng. Emerson (1985) định nghĩa CLCS là sự thỏa mãn về các giá trị, mục tiêu và nhu cầu của cá nhân thông qua việc thực hiện năng lực hoặc cách sống của họ. Theo Cummins (2000), Hagerty và cộng sự (2001), nhiều mô hình đã kết hợp cả khía cạnh chủ

quan và khách quan trong đánh giá CLCS.

Cách thức kết hợp các đánh giá chủ quan trên các lĩnh vực đời sống riêng biệt để tạo ra một đánh giá tổng thể cần cân nhắc đến tầm quan trọng của cá nhân đặt vào các khía cạnh cụ thể đang được xem xét. Nguyên tắc này cũng có thể áp dụng khi đánh giá khách quan: ý nghĩa gắn liền với các điều kiện sống khách quan cũng phải xem xét đến các giá trị của cá nhân. Đây chính là quan điểm (d) với mô hình ba nhân tố, trong đó giá trị cá nhân cũng như điều kiện sống và sự hài lòng với cuộc sống tương tác với nhau để xác định CLCS. Mặc dù vậy, vẫn còn nhiều tranh luận về tầm quan trọng tương ứng của các nhân tố chủ quan và khách quan trong đánh giá CLCS và mối quan hệ giữa chúng.

Ở Việt Nam, cho đến nay, chưa có công trình nghiên cứu nào cho thấy CLCS nên được tiếp cận theo hướng nào, chủ quan hay khách quan. Mặc dù đã có một số nghiên cứu đề cập đến khái niệm CLCS, tuy nhiên, chưa có sự bàn luận đầy đủ về khái niệm cũng như nội hàm của nó. Theo Nguyễn Kim Thoa (2003), CLCS thể hiện ở mức sung túc về kinh tế, con người có giáo dục, sống khỏe mạnh và trường thọ, được sống trong môi trường tự nhiên, xã hội, nhân tạo an toàn, bình đẳng và được tôn trọng. Vũ Mạnh Cường (2011) quan niệm CLCS được thể hiện trên bốn nội dung: phát triển con người, phát triển văn hóa, công bằng xã hội và xóa đói giảm nghèo. Nguyễn Hữu Nguyên (2012) cho rằng, CLCS là tổng hòa của nhiều yếu tố trong đời sống vật chất và tinh thần của con người. Mặc dù các tác giả trên không giải thích rõ về nguồn gốc cũng như cơ sở khoa học của các khái niệm đưa ra nhưng dường như các quan niệm về CLCS này đều đi theo cách tiếp cận khách quan.

Bên cạnh đó, có một số nghiên cứu về sự hài lòng với cuộc sống, hạnh phúc trong cuộc sống ở Việt Nam. Nghiên cứu của CIEM và cộng sự (2015) về đặc điểm kinh tế nông thôn Việt Nam đề cập đến hạnh phúc của người dân nông thôn trong cuộc sống. Trong lần gần nhất, năm 2014, nghiên cứu thực hiện điều tra tại 3.648 hộ gia đình ở nông thôn tại 12 tỉnh trong cả nước. Trong đó, 43,9% người được hỏi trả lời là có hạnh phúc trong cuộc sống (năm 2012 tỷ lệ này là 49,3%). Các hộ giàu thường hạnh phúc nhiều hơn so với những hộ nghèo. Các yếu tố quan trọng nhất cho hạnh phúc được sắp xếp theo trình tự từ cao đến thấp là sức khỏe, thu nhập, cuộc sống ổn định, sau đó là kết hôn, có con, nghề nghiệp, có hàng xóm

và bạn bè tốt và cuối cùng là tự do. Kết quả này cho thấy, quan niệm của người dân nông thôn Việt Nam về hạnh phúc thật đơn giản. Điều này cũng xuất phát từ đặc điểm của người dân nông thôn là rất coi trọng gia đình, cuộc sống gắn chặt với làng xã, ít va chạm với bên ngoài, có trình độ học vấn thấp, thu nhập thấp, ít được bảo đảm an sinh xã hội.

Một nghiên cứu khác là đề án “Sự hài lòng về cuộc sống” do nhóm nghiên cứu thuộc trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện năm 2011. Nghiên cứu đã tiến hành điều tra 2.400 đối tượng tại 8 xã và 6 phường của 4 tỉnh/thành phố là Hải Dương, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương. Bảng hỏi sử dụng các câu hỏi với thang điểm Likert 5 bậc. Các khía cạnh của sự hài lòng với cuộc sống được đánh giá bao gồm: nghề nghiệp; việc làm; thu nhập; chi tiêu; học vấn; sức khỏe; đời sống tinh thần; hôn nhân; số con mong muốn; học vấn của con; sức khỏe của con; công ăn, việc làm của con; hôn nhân, gia đình của con; quan hệ cha mẹ - con cái, loại nhà, kiểu nhà ở; diện tích nhà ở; tiện nghi gia đình; nước sinh hoạt; quan hệ hàng xóm; an ninh, trật tự thôn xóm; vệ sinh thôn xóm và cơ sở hạ tầng. Một số phát hiện chính của đề tài đã được Hoàng Bá Thịnh (2012) đưa ra như mức độ hài lòng của người dân Việt Nam cao nhất ở lĩnh vực quan hệ cha mẹ - con cái và hôn nhân, gia đình, con cái; mức độ hài lòng thấp nhất thuộc lĩnh vực chi tiêu, học vấn, thu nhập, cơ sở hạ tầng. Đây là cuộc điều tra quy mô lớn đầu tiên về sự hài lòng của người dân với cuộc sống ở Việt Nam.

3. Hướng tiếp cận đo lường chất lượng cuộc sống tại Việt Nam

Phần tiếp theo của bài viết sẽ bàn luận về câu hỏi: đo lường CLCS ở Việt Nam nên theo cách tiếp cận khách quan hay chủ quan? Nội dung của phần này sẽ bắt đầu bằng việc xem xét những điểm mạnh và điểm yếu trong mỗi cách tiếp cận, được rút ra từ nghiên cứu của Diener & Suh (1997).

Bảng 1 cho thấy, cách tiếp cận nào cũng có những điểm mạnh và điểm yếu nhất định. Việc xem xét kỹ những điểm mạnh, điểm yếu này sẽ giúp cho việc lựa chọn cách tiếp cận đánh giá CLCS ở Việt Nam đảm bảo cơ sở khoa học. Tuy nhiên, bối cảnh kinh tế xã hội của Việt Nam cần phải được xem xét nhằm đảm bảo tính khả thi của đánh giá.

Điều 3 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 có ghi: “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công

Bảng 1: Ưu nhược điểm của cách tiếp cận khách quan và cách tiếp cận chủ quan

	Cách tiếp cận khách quan	Cách tiếp cận chủ quan
Ưu điểm	- Các chỉ tiêu khách quan có thể được xác định và định lượng tương đối dễ dàng nên thuận tiện cho việc so sánh. - Các chỉ tiêu khách quan thường phản ánh các ý tưởng quy phạm của một xã hội (có ít tội phạm, không khí trong lành...) có thể đánh giá chất lượng xã hội không chỉ dựa trên ảnh hưởng của chúng về hạnh phúc chủ quan mà còn dựa trên các giá trị được chia sẻ rộng rãi. - Bằng việc đo lường trên nhiều lĩnh vực của cuộc sống, các chỉ tiêu khách quan có thể nắm bắt được những phẩm chất quan trọng của xã hội đã không được đánh giá đầy đủ qua các đo lường chủ quan hay các chỉ số kinh tế.	- Các chỉ tiêu chủ quan phản ánh những kinh nghiệm quan trọng của mỗi cá nhân có thể được dùng để đánh giá các bằng chứng mà chỉ tiêu khách quan đưa ra. - Khi minh chứng không đầy đủ, các nhà nghiên cứu thường dễ dàng sửa đổi trong các nghiên cứu sau bằng cách cải thiện các công cụ và thích ứng chúng với dữ liệu được thu thập. - Các đo lường chủ quan có thể dễ dàng được so sánh giữa các lĩnh vực hơn các đo lường khách quan (do có đơn vị đo lường khác nhau). - Các đánh giá CLCS chủ quan phản ánh mức độ các nhu cầu cá nhân được thỏa mãn bởi các chính sách kinh tế vĩ mô.
Nhược điểm	- Các đo lường chỉ tiêu khách quan có thể bị sai lệch, không đầy đủ do sự khác biệt về văn hóa, trình độ thống kê, ... - Cùng một chỉ tiêu nhưng có thể được đo lường và diễn giải các con số theo nhiều cách khác nhau. - Việc lựa chọn chỉ tiêu, cách thức đo lường và xác định các ngưỡng quyết định là tốt hay không tốt phụ thuộc vào các quyết định chủ quan. - Do các chỉ tiêu khách quan thường được chọn tùy thuộc vào đặc điểm hay mục tiêu của mỗi quốc gia, địa phương nên dễ làm nảy sinh nhiều tranh cãi khi biến nào được chọn và chúng sẽ được gán trọng số như thế nào trong tính toán chỉ số chung. - Các chỉ tiêu khách quan có thể không phản ánh chính xác trải nghiệm của mọi người về hạnh phúc.	- Do các đánh giá CLCS chủ quan thường sử dụng các cuộc phỏng vấn ở cấp độ cá nhân nên dữ liệu thu thập được có thể không hoàn toàn hợp lệ và chính xác. - Đo lường hạnh phúc chủ quan có thể không phản ánh đầy đủ chất lượng đời sống cộng đồng khách quan trong một địa phương vì còn phụ thuộc nhiều vào tính cách con người và các mối quan hệ cá nhân hơn là các yếu tố xã hội. - Do mọi người thích ứng với các hoàn cảnh một cách tự nhiên nên các mong đợi của xã hội có thể ảnh hưởng đến hạnh phúc chủ quan của cá nhân. - Do có sự khác biệt trong nhận thức giữa các cá nhân hoặc cùng một cá nhân nhưng ở các thời điểm khác nhau nên đánh giá CLCS chỉ theo cách chủ quan có thể không phù hợp khi so sánh trong xã hội.

nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.” Tuy nhiên, nhiều năm qua, chúng ta vẫn đang mãi mê tranh thủ các nguồn lực để phát triển kinh tế nhưng dường như bỏ qua một điểm mấu chốt: tăng trưởng kinh tế là một kết quả quan trọng của quá trình phát triển song tăng trưởng kinh tế chưa đủ để đảm bảo hạnh phúc và CLCS

tốt hơn hãy làm tăng sự hài lòng của người dân với chính phủ. Những vấn đề xã hội ảnh hưởng tiêu cực đến người dân bao gồm sự chênh lệch lớn và ngày càng tăng giữa các nhóm kinh tế xã hội và giữa các khu vực khác nhau, chất lượng các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế và giáo dục nghèo nàn, quản lý nhà nước và pháp quyền yếu, tình trạng tham nhũng có hệ thống, tình trạng tội phạm và các tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng, môi trường tự nhiên ngày càng bị ô nhiễm nặng nề... Sự yếu kém này được thể hiện

phần nào qua vị trí của Việt Nam trong một số bảng xếp hạng CLCS trên thế giới.

Năm 2013, Việt Nam được tổ chức Economist Intelligence Unit (EIU) của Anh xếp hạng 68/80 quốc gia và vùng lãnh thổ về CLCS. Chỉ số CLCS của bảng xếp hạng này gắn kết quả của các nghiên cứu về sự hài lòng cuộc sống có tính chủ quan - trong đó người thăm dò được hỏi họ hạnh phúc thế nào - với những yếu tố quyết định có tính khách quan về CLCS của các nước. Nghiên cứu cho thấy, sự giàu có vẫn là tiền đề mạnh mẽ nhất nhưng không phải là tất cả. Những yếu tố khác như tội ác, niềm tin vào các định chế công và sự lành mạnh của đời sống gia đình vẫn có những tác động nhất định.

Năm 2015, website numbeo.com - trang web dữ liệu lớn nhất về các thành phố và quốc gia trên thế giới đánh giá Việt Nam nằm trong top 10 quốc gia có CLCS thấp nhất trên thế giới, xếp sau cả Lào và Campuchia. Đánh giá của numbeo.com dựa theo 7 tiêu chí: mức độ an toàn, chăm sóc sức khỏe, giá tiêu dùng, sức mua, giao thông đi lại, mức độ ô nhiễm và giá nhà đất so với thu nhập. Dữ liệu được thu thập thông qua các khảo sát trực tuyến chứ không phải từ báo cáo chính thức của Chính phủ.

Năm 2016, theo xếp hạng của Liên Hợp Quốc về Chỉ số hạnh phúc (World Happiness Index - WHI), Việt Nam xếp thứ 96 trên tổng số 157 quốc gia và vùng lãnh thổ. Chỉ số WHI được tính toán dựa vào GDP, tuổi thọ trung bình, tình trạng tham nhũng, tình trạng bất bình đẳng, tự do cá nhân, an sinh xã hội của một quốc gia.

Tuy vậy, theo công bố gần đây nhất vào tháng 7 năm 2016, Việt Nam được tổ chức nghiên cứu kinh tế xã hội New Economics Foundation (NEF) của Anh đánh giá có Chỉ số hạnh phúc (Happy Planet Index - HPI) đứng thứ 5 thế giới, đứng đầu châu Á. So với năm 2014, Việt Nam đã tụt hạng 3 bậc. Chỉ số HPI không lấy khía cạnh giàu có làm tiêu chuẩn hạnh phúc duy nhất mà tập trung vào các nhân tố khác như tuổi thọ, mức độ thỏa mãn cuộc sống của người dân so với mức độ tiêu hao tài nguyên và khả năng tái tạo của hệ sinh thái.

Bài viết tạm liệt kê ra bốn đánh giá trên. Sự khác biệt về thứ hạng của Việt Nam trong các bảng xếp hạng này là điều tất yếu vì tiêu chí đánh giá của các tổ chức hay nguồn số liệu... là khác nhau. Tuy nhiên, nếu kết quả xếp hạng của EIU, Numbeo hay Liên Hợp Quốc dường như không quá bất ngờ với đa phần người dân Việt Nam thì đánh giá của NEF

đã từng gây ra nhiều phản ứng. Theo các chuyên gia, HPI không phải là chỉ số thuần túy đo hạnh phúc của quốc gia, điều này có nghĩa là một nước có chỉ số HPI cao chưa chắc đã là nước hạnh phúc thực sự mà có thể vì họ không khai thác quá nhiều tài nguyên. Nhưng dường như xếp hạng này không thuyết phục được người dân Việt Nam, đặc biệt sau vụ việc cá chết hàng loạt ở các tỉnh miền Trung vì ô nhiễm môi trường biển do việc xả thải của Formosa hay vụ việc phá rừng pomu ở Quảng Nam gần đây.

Mặc dù vậy, người Việt Nam vẫn được đánh giá là những người hạnh phúc. Lý giải điều này, nhiều chuyên gia cho rằng, nó xuất phát từ tính lạc quan cố hữu của người dân Việt Nam. Nghiên cứu của Dương Thị Thu Hương (2012) rút ra từ điều tra “Sự hài lòng với cuộc sống” đã kết luận rằng, dù sống ở một đất nước còn nhiều khó khăn về kinh tế nhưng người dân không hề bi quan và đánh giá thấp mức độ hài lòng về đời sống tinh thần của họ. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia cũng cho rằng, sự hài lòng của người dân Việt Nam là khá dễ dãi và những người yếu thế thường có mơ ước đơn giản nên dễ hạnh phúc (*Người đưa tin*, 2012). Chính điều này cho thấy, việc đo lường hay đánh giá CLCS ở Việt Nam, nếu chỉ sử dụng các chỉ tiêu chủ quan thì sẽ bị chệch lệch.

Ngược lại, việc đánh giá CLCS chỉ bằng các chỉ tiêu khách quan có thể sẽ nhận được sự đồng thuận lớn của xã hội. Ngay tổ chức Mercer - nổi tiếng về xếp hạng CLCS của các thành phố trên thế giới hay hai quốc gia có nhiều nét tương đồng trong khu vực là Malaysia và Thái Lan cũng chỉ sử dụng các chỉ tiêu phản ánh điều kiện sống của dân cư để đánh giá CLCS. Những khía cạnh khách quan được đề cập nhiều nhất khi đánh giá CLCS bao gồm: điều kiện kinh tế, nhà ở, giáo dục, y tế, môi trường, cuộc sống gia đình và cộng đồng, sự an toàn và sự tham gia của người dân. Những thông tin này có thể thu thập dễ dàng bằng nhiều nguồn khác nhau, đặc biệt từ các nguồn thống kê chính thức và sẵn có.

Tuy nhiên, nếu chỉ sử dụng các chỉ tiêu khách quan để đánh giá CLCS ở Việt Nam là chưa đủ. Đối với các nhà hoạch định chính sách, đánh giá chính xác về CLCS sẽ giúp trả lời một số câu hỏi: Xã hội có phát triển? Các chính sách hiện hành có đạt được các mục tiêu phù hợp với những lý tưởng của xã hội? Việc đầu tư có đạt hiệu quả nhằm mang lại những kết quả mong muốn?... Đối với mỗi cá nhân, khả năng đánh giá mức độ hạnh phúc cá nhân

sẽ giúp họ có được các quyết định quan trọng trong cuộc sống như sống ở đâu và sống như thế nào. Tuy nhiên, dù mỗi người đều có thể chủ động lựa chọn một cách sống hạnh phúc nhất tùy theo khả năng của mình, nhưng dù có được tổ chức tốt đến đâu chăng nữa thì con người vẫn bị tác động bởi môi trường mà họ đang vận động. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của nhà nước trong tổ chức cuộc sống xã hội. Khi đó, vai trò của nhà nước sẽ được đánh giá một cách công bằng từ phía người dân – họ có hài lòng với cách thức tổ chức cuộc sống mà nhà nước đem lại không. Đây chính là khía cạnh chủ quan cần đề cập tới trong đo lường và đánh giá CLCS ở Việt Nam.

4. Kết luận và gợi ý hướng nghiên cứu tiếp theo

Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu và một số bài luận ở trên, bài viết đi đến kết luận, đo lường CLCS ở Việt Nam cần phải được đánh giá theo các chỉ tiêu khách quan và chủ quan. Như đã đề cập ở trên, mỗi cách tiếp cận có ưu nhược điểm riêng và giúp nắm bắt được một vài khía cạnh khác nhau của CLCS. Do vậy khi kết hợp lại sẽ tạo ra một bức tranh đầy đủ về CLCS, vừa phản ánh được điều kiện sống của người dân vừa cho thấy mức độ hài lòng (hay thỏa mãn) của người dân với những điều kiện sống đó.

Mặt khác, Nhà nước Việt Nam là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Vì vậy, ngoài việc tạo ra những điều kiện sống tốt cho người dân thì Nhà nước cần quan tâm đến những cảm nhận của người dân về những gì Nhà nước mang lại. Chính vì thế, kết hợp các yếu tố chủ quan và các yếu tố khách quan trong đo lường CLCS ở Việt Nam vừa đảm bảo về mặt phương pháp luận vừa phù hợp với mục tiêu của phát triển của quốc gia.

Tuy vậy, để có thể đo lường và đánh giá được sự thay đổi về CLCS ở Việt Nam, cần phải thực hiện thêm nhiều nghiên cứu khác. Trước hết cần phải nghiên cứu xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê phản ánh CLCS. Trong hệ thống chỉ tiêu đó, bên cạnh các chỉ tiêu khách quan thường sẵn có thì việc tính toán các chỉ tiêu chủ quan sẽ gặp nhiều khó khăn hơn. Như kinh nghiệm của các quốc gia và tổ chức quốc tế, sẽ phải tổ chức điều tra đánh giá mức độ thỏa mãn (hài lòng) với cuộc sống và do vậy cần có các nghiên cứu nhằm xây dựng thang đo CLCS. Ngoài ra, những câu hỏi liên quan đến việc tính toán chỉ số tổng hợp đánh giá CLCS, các vấn đề về quyền sống,... cần được giải quyết một cách thấu đáo. Đây là những hướng đi tiếp theo trong nghiên cứu về CLCS ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Andrews F.M. (1974), 'Social Indicator of perceived life quality', *Social Indicators Research* 1, 279- 299.
- Andrews F.M. & Withey S.B. (1976), 'Social indicators of well-being: Americans' perceptions of life quality', *New York: Plenum Press*.
- Besleme K., Maser E. & Silverstein J. (1999), 'A community indicators Case study: Addressing the Quality of Life in two communities', *Redefining Progress*, March.
- CIEM, IPSARD, ILSSA & DERG (2015), Đặc điểm kinh tế nông thôn Việt Nam: Kết quả điều tra hộ gia đình nông thôn Việt Nam năm 2014 tại 12 tỉnh, Nhà xuất bản Hồng Đức.
- Cummins R.A. (2000), 'Objective and subjective quality of life: An interactive model', *Social Indicators Research*, Vol. 52.
- Diener E. & Suh E. (1997), 'Measuring quality of life: economic, social and subjective indicators', *Social Indicators Research*, 40, 189-216.
- Dương Thị Thu Hương (2012), 'Các yếu tố tác động đến mức độ hài lòng về đời sống tinh thần', *Tạp chí Xã hội học*, 4 (120).
- Felce D. & Perry J. (1995), 'Quality of Life: Its Definition and Measurement', *Research in Developmental Disabilities*, 1 (16).
- Felce, David (1997), 'Defining and Applying the Concept of Quality of Life', *Journal of Intellectual Disability Research*, 2 (41).
- Hagerty, Michael R., Cummins, Robert A., Ferriss, Abbott L., Land, Kenneth, Michalos, Alex C., Peterson, Mark, Sharpe, Andrew, Sirgy, M. Joseph & Vogel, Joachim (2001), 'Quality of Life Indexes for National Policy: Review and Agenda for Research', *Social Indicators Research*, 1 (55).

- Hoàng Bá Thịnh (2012), ‘Sự hài lòng về cuộc sống của người Việt Nam: một số phát hiện ban đầu và hàm ý chính sách’, *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 4/2012.
- Kerce Elyse W. (1992), ‘Quality of Life: Meaning, Measurement and Models’, *Navy Personel Reasearch and evelopment Center*.
- Lloyd K.M. & Auld C.J. (2002), ‘The role of leisure in determining quality of life: Issues of content and easurement’, *Social Indicators Research*, vol. 57.
- Massam B.H. (2002), ‘Quality of life: public planning and private living’, *Progress in Planning*, vol. 58.
- Nguyễn Hữu Nguyên (2012), ‘Góp thêm về đánh giá chất lượng cuộc sống của người dân thành phố Hồ Chí Minh’, *Hội thảo khoa học: Chất lượng cuộc sống của người dân TP.HCM trong bối cảnh kinh tế hiện nay*, Viện nghiên cứu Phát triển, TP. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Kim Thoa (2003), ‘Bàn về khái niệm chất lượng cuộc sống’, *Tạp chí Dân số và Phát triển*, số 6/2003.
- Người đưa tin* (2012), ‘Người Việt nam có thực sự hạnh phúc?’, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 7 năm 2016, từ <<http://www.nguoiduatin.vn/nguoi-viet-nam-co-thuc-su-hanh-phuc-a48209.html>>.
- Dennis Raphael (1996), ‘Defining Quality of Life: Eleven Debates Concerning Its Measurement’ in *Quality of life in health promotion and rehabilitation: conceptual approaches, issues, and applications*, R. Renwick, I. Brown & M. Nagler (ed.), Thousand Oaks, CA: Sage publication.
- Vũ Mạnh Cường (2011), *Tăng trưởng GDP và vấn đề nâng cao chất lượng cuộc sống ở Việt Nam*, luận văn thạc sĩ, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.